

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2019

Ngày 31 tháng 03 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	3
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	4
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	5 - 19

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2019

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		271.464.107.684	258.106.534.169
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	24.423.189.014	26.542.078.222
111	1. Tiền		10.687.098.361	8.992.297.060
112	2. Các khoản tương đương tiền		13.736.090.653	17.549.781.162
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		118.481.664.000	102.800.968.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	20.990.879.270	20.990.879.270
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		(4.509.215.270)	(6.189.911.270)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	102.000.000.000	88.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		128.153.176.504	127.477.157.685
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	125.266.813.309	126.275.331.062
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	715.842.000	568.568.000
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	7	3.609.346.085	2.072.083.513
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	6.1	(1.438.824.890)	(1.438.824.890)
140	IV. Hàng tồn kho		403.227.166	1.093.123.689
141	1. Hàng tồn kho	9	403.227.166	1.093.123.689
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.851.000	193.206.573
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.851.000	193.206.573
200	B - TÀI SẢN DÀI HẠN		128.140.396.526	133.922.075.122
220	II. Tài sản cố định		128.140.396.526	133.922.075.122
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	128.140.396.526	133.922.075.122
222	- Nguyên giá		261.151.918.264	261.151.918.264
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(133.011.521.738)	(127.229.843.142)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		399.604.504.210	392.028.609.291

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2019

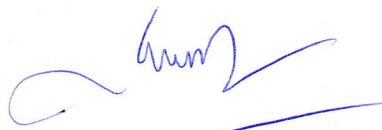
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
300	C - NỢ PHẢI TRẢ		60.512.432.070	61.590.613.172
310	I. Nợ ngắn hạn		60.512.432.070	61.590.613.172
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10.	38.681.613.661	47.896.347.116
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.	3.545.460.543	1.324.548.328
314	4. Phải trả người lao động		6.101.441.442	8.895.158.098
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	12.	6.690.223.331	174.600.000
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	13.	1.174.658.427	1.240.468.964
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	14.	4.177.244.000	
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		141.790.666	2.059.490.666
400	D - VỐN CHỦ SỞ HỮU		339.092.072.140	330.437.996.119
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	339.092.072.140	330.437.996.119
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	15.1	131.040.000.000	131.040.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		131.040.000.000	131.040.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	15.1	53.070.783.332	53.070.783.332
418	8. Quỹ đầu tư phát triển	15.1	117.000.238.488	117.000.238.488
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15.1	37.524.743.607	28.922.002.097
421a	- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		28.922.002.097	1.365.794.272
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối năm này		8.602.741.510	27.556.207.825
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		456.306.713	404.972.202
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		399.604.504.210	392.028.609.291



Võ Thị Ngọc Diễm
Người lập



Trần Thị Lý
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Huân
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 04 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý 1 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	16.1	62.821.452.552	44.745.887.852	62.821.452.552	44.745.887.852
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu					
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		62.821.452.552	44.745.887.852	62.821.452.552	44.745.887.852
11	4. Giá vốn hàng bán		52.055.918.067	36.890.510.154	52.055.918.067	36.890.510.154
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10.765.534.485	7.855.377.698	10.765.534.485	7.855.377.698
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16.2	1.855.848.154	881.121.936	1.855.848.154	881.121.936
22	7. Chi phí tài chính	17.	(1.680.696.000)	867.456.000	(1.680.696.000)	867.456.000
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay					
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					
25	9. Chi phí bán hàng					
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.	3.469.483.612	2.910.280.159	3.469.483.612	2.910.280.159
30	11. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		10.832.595.027	4.958.763.475	10.832.595.027	4.958.763.475
31	12. Thu nhập khác	19.				
32	13. Chi phí khác	19.		6.300.000		6.300.000
40	14. Lợi nhuận khác	19.		(6.300.000)		(6.300.000)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.832.595.027	4.952.463.475	10.832.595.027	4.952.463.475
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21.1	2.178.519.006	990.492.695	2.178.519.006	990.492.695
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		8.654.076.021	3.961.970.780	8.654.076.021	3.961.970.780
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		8.602.741.510	3.912.084.591	8.602.741.510	3.912.084.591
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		51.334.511	49.886.189	51.334.511	49.886.189
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.4	656	299	656	299
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu					

(Signature)

Võ Thị Ngọc Diễm
 Người lập

Ngày 17 tháng 04 năm 2019

(Signature)

Trần Thị Lý
 Kế toán trưởng



Đỗ Văn Huân
 Tổng Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI HÀ TIÊN

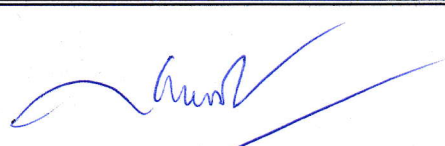
Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý 1 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		10.832.595.027	4.952.463.475
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		5.781.678.596	5.978.830.785
03	- Các khoản dự phòng		2.496.548.000	2.959.336.353
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.855.848.154)	(881.121.936)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		17.254.973.469	13.009.508.677
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		715.268.261	1.219.960.098
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		689.896.523	(344.851.355)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(4.238.572.215)	(7.241.414.411)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.277.671.893)	(1.500.000.000)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.917.700.000)	(2.347.189.332)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		11.226.194.145	2.796.013.677
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(48.000.000.000)	(40.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		34.000.000.000	29.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		654.916.647	1.384.005.270
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(13.345.083.353)	(9.615.994.730)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ vốn góp của cổ đông không kiểm soát			50.000.000
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	50.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(2.118.889.208)	(6.769.981.053)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		26.542.078.222	36.681.524.642
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	24.423.189.014	29.911.543.589


Võ Thị Ngọc Diễm
Người lập


Trần Thị Lý
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Hoàn
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 04 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý 1 năm 2019

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên ("Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải trực thuộc Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 theo Quyết định số 24/2000/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp ngày 21 tháng 1 năm 2000. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103000047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 4 năm 2000 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh dịch vụ vận tải đường thủy, vận tải đường bộ trong và ngoài nước, kinh doanh tổng hợp vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải, khai thác bến bãi và bán buôn xi măng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HTV theo Quyết định số 41/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 12 năm 2005.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 296 Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 1 công ty con như sau:

- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ Thủ Đức ("TTTĐ")
TTTĐ là một công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh Doanh ("GCNĐKKD") số 0314270335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 3 năm 2017. Trụ sở chính của TTTĐ tại Lầu 5, Tòa nhà Landmark, Số 5B Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của TTTĐ là kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 1 năm 2019

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (Thông tư số 200) và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (Thông tư số 202) ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là kế toán trên máy vi tính.

2.3 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.4 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

2.5 Cơ sở hợp nhất:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của công ty và công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa công ty và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 1 năm 2019

- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, chủ yếu là nhiên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ, với giá trị được xác định theo chi phí mua trên cơ sở bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nhiên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Khấu hao tài sản cố định hữu hình

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải đường thủy	10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm

3.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.7 Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 1 năm 2019

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty và công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.9 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và Công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và Công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và Công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.10 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và Công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền cho thuê

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 1 năm 2019

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.12 Ghi nhận giá vốn

Giá vốn bao gồm các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh như: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhân công, chi phí thuê ngoài.

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán quý.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và Công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và Công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý 1 năm 2019

thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán quý.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và Công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2019

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	484.958.384	764.717.415
Tiền gửi ngân hàng	10.202.139.977	7.736.071.116
Các khoản tương đương tiền (*)	13.736.090.653	28.180.736.111
TỔNG CỘNG	<u>24.423.189.014</u>	<u>36.681.524.642</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại, có thời hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất bình quân 5,5%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá gốc	20.990.879.270	20.990.879.270
Dự phòng	(4.509.215.270)	(6.189.911.270)
Giá trị hợp lý	<u>16.481.664.000</u>	<u>14.800.968.000</u>

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	<u>102.000.000.000</u>	<u>102.000.000.000</u>	<u>70.000.000.000</u>	<u>70.000.000.000</u>

(*) Đây là khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại, có thời hạn gốc trên ba tháng và hưởng lãi suất bình quân dao động từ 6,3% đến 7,8%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2019

		VND	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN			
6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	82.807.849.598	87.804.837.121	
Phải thu từ khách hàng khác	42.458.963.711	38.470.493.941	
TỔNG CỘNG	125.266.813.309	126.275.331.062	
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.438.824.890)	(1.438.824.890)	
GIÁ TRỊ THUẦN	123.827.988.419	124.836.506.172	
6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn			
			VND
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đỗ Khôi Nguyên	400.000.000		200.000.000
Công ty TNHH Giải pháp Công Nghệ DCT	223.977.000		223.977.000
Các nhà cung cấp khác	91.865.000		144.591.000
TỔNG CỘNG	715.842.000		568.568.000
7 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC			
			VND
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi dự thu	2.310.931.507		1.110.000.000
Phải thu khác	472.035.137		515.083.513
Tạm ứng	526.379.441		177.000.000
Ký quỹ thực hiện hợp đồng	300.000.000		270.000.000
TỔNG CỘNG	3.609.346.085		2.072.083.513

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 1 năm 2019**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VND			
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Phương tiện vận tải đường thủy	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	2.203.932.585	255.672.878.477	3.275.107.202	261.151.918.264
Mua trong kỳ				
Thành				
Tăng khác				
Thanh lý				
Số cuối kỳ	<u>2.203.932.585</u>	<u>255.672.878.477</u>	<u>3.275.107.202</u>	<u>261.151.918.264</u>
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	1.900.220.043	28.332.811.006	1.238.339.929	31.471.370.978
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	(1.990.816.212)	(122.971.720.318)	(2.267.306.612)	(127.229.843.142)
Khấu hao trong kỳ	(15.222.597)	(5.683.501.707)	(82.954.292)	(5.781.678.596)
Tăng khác				
Thanh lý				
Số cuối kỳ	<u>(2.006.038.809)</u>	<u>(128.655.222.025)</u>	<u>(2.350.260.904)</u>	<u>(133.011.521.738)</u>
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	<u>213.116.373</u>	<u>132.701.158.159</u>	<u>1.007.800.590</u>	<u>133.922.075.122</u>
Số cuối kỳ	<u>197.893.776</u>	<u>127.017.656.452</u>	<u>924.846.298</u>	<u>128.140.396.526</u>

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhiên liệu và vật liệu	397.796.961	1.086.613.484
Công cụ, dụng cụ	5.430.205	6.510.205
TỔNG CỘNG	<u>403.227.166</u>	<u>1.093.123.689</u>

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	38.681.613.661	47.354.096.297
- Doanh nghiệp Tư nhân Trung Tài	24.314.853.782	25.281.289.795
- Công ty TNHH SX TM Huy Hiền	599.244.131	599.244.131
- Công ty TNHH MTV Chí Thành Đạt	969.137.654	2.360.467.908
- Phải trả đối tượng khác	12.798.378.094	19.113.094.463
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 23)		542.250.819
TỔNG CỘNG	<u>38.681.613.661</u>	<u>47.896.347.116</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 1 năm 2019**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

VND

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT	1.312.634.204	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.178.519.006	1.277.671.893
Thuế thu nhập cá nhân	54.307.333	46.876.435
TỔNG CỘNG	<u>3.545.460.543</u>	<u>1.324.548.328</u>

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê ngoài	6.376.116.068	-
Chi phí khác	314.107.263	174.600.000
TỔNG CỘNG	<u>6.690.223.331</u>	<u>174.600.000</u>

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	76.344.022	76.324.600
Cổ tức phải trả	3.682.010	3.682.010
Các khoản phải trả, phải nộp khác	788.632.395	854.462.354
Nhận ký quỹ, ký cược	306.000.000	306.000.000
TỔNG CỘNG	<u>1.174.658.427</u>	<u>1.240.468.964</u>

14. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa	4.177.244.000	-
TỔNG CỘNG	<u>4.177.244.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIẾN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2019

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
15. VỐN CHỦ SỞ HỮU					
15.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu					VND
Quý 1 năm 2018					
Số đầu năm	131.040.000.000	53.070.783.332	114.353.432.657	22.215.651.075	320.679.867.064
Lợi nhuận thuần trong kỳ				3.912.084.591	3.912.084.591
Cổ tức công bố				-	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển				-	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi				-	-
Số cuối kỳ	131.040.000.000	53.070.783.332	114.353.432.657	26.127.735.666	324.591.951.655
Quý 1 năm 2019					
Số đầu năm	131.040.000.000	53.070.783.332	117.000.238.488	28.922.002.097	330.033.023.917
Lợi nhuận thuần trong kỳ				8.602.741.510	8.602.741.510
Tăng khác				-	-
Cổ tức công bố				-	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển				-	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi				-	-
Số cuối kỳ	131.040.000.000	53.070.783.332	117.000.238.488	37.524.743.607	338.635.765.427

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2019

15.2 Cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	13.104.000	13.104.000
Cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	13.104.000	13.104.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	13.104.000	13.104.000

15.3 Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	8.602.741.510	3.912.084.591
Trừ quỹ khen thưởng phúc lợi (*)		
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	8.602.741.510	3.912.084.591
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	13.104.000	13.104.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	656	299

16. DOANH THU

16.1 Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu vận tải đường thủy	58.270.876.689	43.525.924.078
Doanh thu vận tải đường bộ	914.842.720	522.219.852
Doanh thu bốc dỡ	1.118.788.981	335.016.649
Doanh thu cho thuê kho	600.000.000	362.727.273
Doanh thu bán hàng hóa	1.916.944.162	-
TỔNG CỘNG	62.821.452.552	44.745.887.852
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	27.714.274.371	11.915.163.297
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 23)	35.107.178.181	32.830.724.555

16.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi	1.855.848.154	881.121.936
Cổ tức	-	-
TỔNG CỘNG	1.855.848.154	881.121.936

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	867.456.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(1.680.696.000)	-
TỔNG CỘNG	(1.680.696.000)	867.456.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nỗ, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2019

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	275.863.041	283.557.088
Chi phí nhân viên	1.542.968.563	1.484.366.834
Chi phí khấu hao tài sản	98.176.889	99.593.844
Chi phí khác	1.552.475.119	1.042.762.393
TỔNG CỘNG	3.469.483.612	2.910.280.159

19. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập khác	-	-
Phạt vi phạm hợp đồng	-	-
Thu nhập khác	-	-
Chi phí khác	-	6.300.000
Chi phí khác	-	6.300.000
GIÁ TRỊ THUẦN	-	(6.300.000)

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.292.487.810	18.770.045.144
Chi phí nhân viên	12.386.492.216	8.791.623.151
Chi phí nhiên liệu và vật liệu	4.421.618.256	5.085.694.027
Chi phí khấu hao tài sản	5.781.678.596	5.978.830.785
Chi phí khác	3.643.124.801	1.174.597.206
TỔNG CỘNG	55.525.401.679	39.800.790.313

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.178.519.006	990.492.695
TỔNG CỘNG	2.178.519.006	990.492.695

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2019

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	32.298.396.401	31.228.329.735
Công ty TNHH Siam City cement Việt Nam	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	2.578.873.300	1.051.496.580
Công ty TNHH Xi măng Siam City Nhơn Trạch	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	229.908.480	550.898.240

Tiền lương Tổng Giám đốc, Trưởng ban kiểm soát, thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát như sau:

	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Hội đồng Quản trị	54.000.000	126.000.000
Ban Kiểm soát	55.500.000	39.000.000
Tổng Giám đốc	174.000.000	174.000.000
	283.500.000	339.000.000

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán quý được trình bày như sau:

Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 6.1)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Công ty cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	79.248.858.087	83.459.886.040
Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	Công ty cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	3.306.092.183	3.601.677.385
Công ty TNHH Xi măng Siam City Nhơn Trạch	Công ty cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	252.899.328	743.273.696
			82.807.849.598	87.804.837.121

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI HÀ TIỀN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

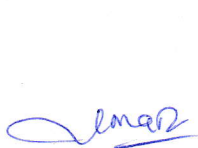
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 1 năm 2019**Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 10, số 13)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Doanh thu quản lý, tư vấn	-	365.643.829
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Công ty cùng Tổng Công ty	Phí dịch vụ	-	176.606.990
			-	542.250.819

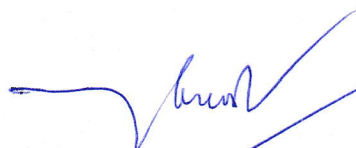
23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 03 năm 2019, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đến 1 năm	1.597.193.280	1.561.193.280
Từ 1 đến 5 năm	100.198.880	1.171.690.480
TỔNG CỘNG	1.697.392.160	2.732.883.760



Võ Thị Ngọc Diễm
Người lập



Trần Thị Lý
Kế toán trưởng




Đỗ Văn Huân
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 04 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Bảng cân đối kế toán riêng	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	3
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	4
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	5 - 18

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Quý 1 năm 2019

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		257.415.280.567	244.197.945.018
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	10.377.212.897	12.634.926.071
111	1. Tiền		10.377.212.897	8.634.926.071
112	2. Các khoản tương đương tiền			4.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		118.481.664.000	102.800.968.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	20.990.879.270	20.990.879.270
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		(4.509.215.270)	(6.189.911.270)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	102.000.000.000	88.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		128.153.176.504	127.477.157.685
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	125.266.813.309	126.275.331.062
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	715.842.000	568.568.000
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	7	3.609.346.085	2.072.083.513
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	6.1	(1.438.824.890)	(1.438.824.890)
140	IV. Hàng tồn kho		403.227.166	1.093.123.689
141	1. Hàng tồn kho	9	403.227.166	1.093.123.689
150	V. Tài sản ngắn hạn khác			191.769.573
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ			191.769.573
200	B - TÀI SẢN DÀI HẠN		141.140.396.526	146.922.075.122
220	II. Tài sản cố định		128.140.396.526	133.922.075.122
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	128.140.396.526	133.922.075.122
222	- Nguyên giá		261.151.918.264	261.151.918.264
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(133.011.521.738)	(127.229.843.142)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	5.3	13.000.000.000	13.000.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		13.000.000.000	13.000.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		398.555.677.093	391.120.020.140

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Quý 1 năm 2019

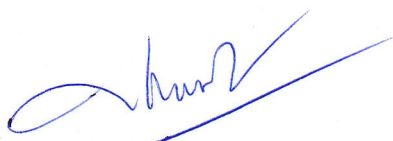
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
300	C - NỢ PHẢI TRẢ		60.470.195.562	61.541.944.600
310	I. Nợ ngắn hạn		60.470.195.562	61.541.944.600
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10.	38.681.613.661	47.896.347.116
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.	3.508.793.035	1.291.048.756
314	4. Phải trả người lao động		6.101.441.442	8.895.158.098
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	12.	6.690.223.331	165.000.000
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	13.	1.169.089.427	1.234.899.964
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn			
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	14.	4.177.244.000	
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		141.790.666	2.059.490.666
400	D - VỐN CHỦ SỞ HỮU		338.085.481.531	329.578.075.540
410	I. Vốn chủ sở hữu	15.	338.085.481.531	329.578.075.540
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		131.040.000.000	131.040.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		131.040.000.000	131.040.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		53.070.783.332	53.070.783.332
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		117.000.238.488	117.000.238.488
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		36.974.459.711	28.467.053.720
421a	- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		28.467.053.720	1.272.629.414
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối năm này		8.507.405.991	27.194.424.306
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		398.555.677.093	391.120.020.140



Võ Thị Ngọc Diễm
Người lập



Trần Thị Lý
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Huân
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 04 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
 Quý 1 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	16.1	62.821.452.552	44.745.887.852	62.821.452.552	44.745.887.852
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu					
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		62.821.452.552	44.745.887.852	62.821.452.552	44.745.887.852
11	4. Giá vốn hàng bán		52.055.918.067	36.890.510.154	52.055.918.067	36.890.510.154
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10.765.534.485	7.855.377.698	10.765.534.485	7.855.377.698
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16.2	1.669.370.616	699.846.976	1.669.370.616	699.846.976
22	7. Chi phí tài chính	17.	(1.680.696.000)	867.456.000	(1.680.696.000)	867.456.000
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay					
25	8. Chi phí bán hàng					
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.	3.466.343.612	2.907.170.159	3.466.343.612	2.907.170.159
30	10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		10.649.257.489	4.780.598.515	10.649.257.489	4.780.598.515
31	11. Thu nhập khác	19.				
32	12. Chi phí khác	19.		6.300.000		6.300.000
40	13. Lợi nhuận khác	19.		(6.300.000)		(6.300.000)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.649.257.489	4.774.298.515	10.649.257.489	4.774.298.515
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21.1	2.141.851.498	954.859.703	2.141.851.498	954.859.703
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		8.507.405.991	3.819.438.812	8.507.405.991	3.819.438.812
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu					
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu					

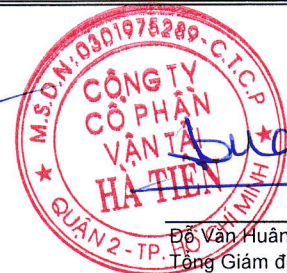
[Signature]

Võ Thị Ngọc Diễm
 Người lập

Ngày 17 tháng 04 năm 2019

[Signature]

Trần Thị Lý
 Kế toán trưởng



Đỗ Văn Huân
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý 1 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
01	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
	1. Lợi nhuận trước thuế		10.649.257.489	4.774.298.515
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		5.781.678.596	5.978.830.785
03	- Các khoản dự phòng		2.496.548.000	2.959.336.353
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.669.370.616)	(699.846.976)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		17.258.113.469	13.012.618.677
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		716.682.261	1.220.971.098
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		689.896.523	(344.851.355)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(4.228.972.215)	(7.195.581.774)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.244.172.321)	(1.500.000.000)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.917.700.000)	(2.347.189.332)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		11.273.847.717	2.845.967.314
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(48.000.000.000)	(40.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		34.000.000.000	29.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		468.439.109	1.202.730.310
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(13.531.560.891)	(9.797.269.690)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(2.257.713.174)	(6.951.302.376)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		12.634.926.071	23.477.589.455
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	10.377.212.897	16.526.287.079

Võ Thị Ngọc Diễm
Người lậpTrần Thị Lý
Kế toán trưởng
Đỗ Văn Huân
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 04 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Quý 1 năm 2019

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên ("Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa xí nghiệp Vận tải trực thuộc Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 theo Quyết định số 24/2000/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp ngày 21 tháng 1 năm 2000. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103000047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 4 năm 2000 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh dịch vụ vận tải đường thủy, vận tải đường bộ trong và ngoài nước, kinh doanh tổng hợp vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải, khai thác bến bãi và bán buôn xi măng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HTV theo Quyết định số 41/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 12 năm 2005.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 296 Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 1 công ty con như sau:

- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ Thủ Đức ("TTTĐ")
TTTĐ là một công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh Doanh ("GCNĐKKD") số 0314270335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 3 năm 2017. Trụ sở chính của TTTĐ tại Lầu 5, Tòa nhà Landmark, Số 5B Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của TTTĐ là kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Quý 1 năm 2019

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là kế toán trên máy vi tính.

2.3 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, chủ yếu là nhiên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ, với giá trị được xác định theo chi phí mua trên cơ sở bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nhiên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 1 năm 2019

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Khấu hao tài sản cố định hữu hình

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải đường thủy	10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm

3.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.7 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế từ công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Quý 1 năm 2019

3.9 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.11 Ghi nhận giá vốn

Giá vốn bao gồm các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh như: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhân công, chi phí thuê ngoài.

3.12 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Quý 1 năm 2019

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIỀN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nỗ, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 1 năm 2019

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	484.958.384	127.211.805
Tiền gửi ngân hàng	9.892.254.513	8.507.714.266
Các khoản tương đương tiền (*)		4.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>10.377.212.897</u>	<u>12.634.926.071</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại, có thời hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất bình quân 5,5%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 Chứng khoán kinh doanh

Đầu tư vào cổ phiếu Công ty CP Xi Măng Hà Tiên 1	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá gốc	20.990.879.270	20.990.879.270
Dự phòng	<u>(4.509.215.270)</u>	<u>(6.189.911.270)</u>
Giá trị hợp lý	<u>16.481.664.000</u>	<u>14.800.968.000</u>

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	<u>102.000.000.000</u>	<u>102.000.000.000</u>	<u>88.000.000.000</u>	<u>88.000.000.000</u>

(*) Đây là khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại, có thời hạn gốc trên ba tháng và hưởng lãi suất bình quân dao động từ 6,3% đến 7,8%/năm.

5.3 Đầu tư góp vốn vào công ty con

Tên công ty	Lĩnh vực hoạt động	Tình trạng hoạt động	Số đầu năm và số cuối kỳ	
			Giá gốc đầu tư (VND)	Sở hữu (%)
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ Thủ Đức	Đầu tư bất động sản, xây dựng	Đang hoạt động	<u>13.000.000.000</u>	<u>65</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 1 năm 2019

		VND	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN			
6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	82.807.849.598	87.804.837.121	
Phải thu từ khách hàng khác	42.458.963.711	38.470.493.941	
TỔNG CỘNG	125.266.813.309	126.275.331.062	
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.438.824.890)	(1.438.824.890)	
GIÁ TRỊ THUẦN	123.827.988.419	124.836.506.172	
6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn			
			VND
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đỗ Khôi Nguyên	400.000.000	200.000.000	
Công ty TNHH Giải pháp Công Nghệ DCT	223.977.000	223.977.000	
Các nhà cung cấp khác	91.865.000	144.591.000	
TỔNG CỘNG	715.842.000	568.568.000	
7 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC			VND
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi dự thu	2.310.931.507	1.110.000.000	
Phải thu khác	472.035.137	515.083.513	
Tạm ứng	526.379.441	177.000.000	
Ký quỹ thực hiện hợp đồng	300.000.000	270.000.000	
TỔNG CỘNG	3.609.346.085	2.072.083.513	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Quý 1 năm 2019**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VND			
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Phương tiện vận tải đường thủy	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	2.203.932.585	255.672.878.477	3.275.107.202	261.151.918.264
Mua trong kỳ				-
Đầu tư XDCB hoàn thành				-
Tăng khác				-
Thanh lý				-
Số cuối kỳ	<u>2.203.932.585</u>	<u>255.672.878.477</u>	<u>3.275.107.202</u>	<u>261.151.918.264</u>
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	1.900.220.043	28.332.811.006	1.238.339.929	31.471.370.978
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	(1.990.816.212)	(122.971.720.318)	(2.267.306.612)	(127.229.843.142)
Khấu hao trong kỳ	(15.222.597)	(5.683.501.707)	(82.954.292)	(5.781.678.596)
Tăng khác				-
Thanh lý				-
Số cuối kỳ	<u>(2.006.038.809)</u>	<u>(128.655.222.025)</u>	<u>(2.350.260.904)</u>	<u>(133.011.521.738)</u>
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	<u>213.116.373</u>	<u>132.701.158.159</u>	<u>1.007.800.590</u>	<u>133.922.075.122</u>
Số cuối kỳ	<u>197.893.776</u>	<u>127.017.656.452</u>	<u>924.846.298</u>	<u>128.140.396.526</u>

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhiên liệu và vật liệu	397.796.961	1.086.613.484
Công cụ, dụng cụ	5.430.205	6.510.205
TỔNG CỘNG	<u>403.227.166</u>	<u>1.093.123.689</u>

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	37.438.232.490	47.354.096.297
- Doanh nghiệp Tư nhân Trung Tài	24.314.853.782	25.281.289.795
- Công ty TNHH SX TM Huy Hiền	599.244.131	599.244.131
- Công ty TNHH MTV Chí Thành Đạt	969.137.654	2.360.467.908
- Phải trả đối tượng khác	11.554.996.923	19.113.094.463
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 23)		542.250.819
TỔNG CỘNG	<u>37.438.232.490</u>	<u>47.896.347.116</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 1 năm 2019

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Thuế GTGT	1.312.634.204	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.141.851.498	1.244.172.321
Thuế thu nhập cá nhân	54.307.333	46.876.435
TỔNG CỘNG	3.508.793.035	1.291.048.756

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí thuê ngoài	6.376.116.068	
Chi phí khác	314.107.263	165.000.000
TỔNG CỘNG	6.690.223.331	165.000.000

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Kinh phí công đoàn	76.344.022	76.324.600
Cổ tức phải trả	3.682.010	3.682.010
Các khoản phải trả, phải nộp khác	783.063.395	848.893.354
Nhận ký quỹ, ký cược	306.000.000	306.000.000
TỔNG CỘNG	1.169.089.427	1.234.899.964

14. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí sửa chữa	4.177.244.000	-
TỔNG CỘNG	4.177.244.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 1 năm 2019

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
15. VỐN CHỦ SỞ HỮU					VND
15.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu					
Quý 1 năm 2018					
Số đầu năm	131.040.000.000	53.070.783.332	114.353.432.657	22.215.651.075	320.679.867.064
Lợi nhuận thuần trong kỳ				3.819.438.812	3.819.438.812
Cổ tức công bố				-	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển				-	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi				-	-
Số cuối kỳ	131.040.000.000	53.070.783.332	114.353.432.657	26.035.089.887	324.499.305.876
Quý 1 năm 2019					
Số đầu năm	131.040.000.000	53.070.783.332	117.000.238.488	28.467.053.720	329.578.075.540
Lợi nhuận thuần trong kỳ				8.507.405.991	8.507.405.991
Cổ tức công bố				-	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển				-	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi				-	-
Số cuối kỳ	131.040.000.000	53.070.783.332	117.000.238.488	36.974.459.711	338.085.481.531

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 1 năm 2019

15.2 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	13.104.000	13.104.000
Cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	13.104.000	13.104.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	13.104.000	13.104.000

15.3 Cổ tức

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông đã công bố		
Cổ tức đã công bố trong kỳ	-	-
Cổ tức đã trả bằng tiền	-	-

16. DOANH THU

16.1 Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu vận tải đường thủy	58.270.876.689	43.525.924.078
Doanh thu vận tải đường bộ	914.842.720	522.219.852
Doanh thu bốc dỡ	1.118.788.981	335.016.649
Doanh thu cho thuê kho	600.000.000	362.727.273
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	1.916.944.162	
TỔNG CỘNG	62.821.452.552	44.745.887.852
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	27.714.274.371	11.915.163.297
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 23)	35.107.178.181	32.830.724.555

16.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi	1.669.370.616	699.846.976
TỔNG CỘNG	1.669.370.616	699.846.976

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		867.456.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(1.680.696.000)	
TỔNG CỘNG	(1.680.696.000)	867.456.000

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	275.863.041	283.557.088
Chi phí nhân viên	1.542.968.563	1.484.366.834

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 1 năm 2019

Chi phí khấu hao tài sản	98.176.889	99.593.844
Chi phí khác	1.549.335.119	1.039.652.393
TỔNG CỘNG	3.466.343.612	2.907.170.159

19. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập khác	-	-
Phạt vi phạm hợp đồng		
Thu nhập khác		
Chi phí khác	-	6.300.000
Chi phí khác		6.300.000
GIÁ TRỊ THUẦN	-	(6.300.000)

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.292.487.810	18.770.045.144
Chi phí nhân viên	12.386.492.216	8.791.623.151
Chi phí nhiên liệu và vật liệu	4.421.618.256	5.085.694.027
Chi phí khấu hao tài sản	5.781.678.596	5.978.830.785
Chi phí khác	3.639.984.801	1.171.487.206
TỔNG CỘNG	55.522.261.679	39.797.680.313

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Trong kỳ, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% lợi nhuận chịu thuế.

Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.141.851.498	954.859.703
TỔNG CỘNG	2.141.851.498	954.859.703

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nỗ, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Quý 1 năm 2019**22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	32.298.396.401	31.228.329.735
Công ty TNHH Siam City cement Việt Nam	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	2.578.873.300	1.051.496.580
Công ty TNHH Xi măng Siam City Nhơn Trạch	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	229.908.480	550.898.240

Tiền lương Tổng Giám đốc, Trưởng ban kiểm soát, thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát như sau:

	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Hội đồng Quản trị	54.000.000	126.000.000
Tổng Giám đốc	174.000.000	174.000.000
Ban Kiểm soát	55.500.000	39.000.000
	283.500.000	339.000.000

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán quý được trình bày như sau:

Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 6.1)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Công ty cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	79.248.858.087	83.459.886.040
Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	Công ty cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	3.306.092.183	3.601.677.385
Công ty TNHH Xi măng Siam City Nhơn Trạch	Công ty cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	252.899.328	743.273.696

Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 10, số 13)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Doanh thu quản lý, tư vấn		365.643.829
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Công ty cùng Tổng Công ty	Phí dịch vụ		176.606.990
			-	542.250.819

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Quý 1 năm 2019

23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 03 năm 2019, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm	VND
Đến 1 năm	1.597.193.280	1.561.193.280	
Từ 1 đến 5 năm	100.198.880	1.171.690.480	
TỔNG CỘNG	1.697.392.160	2.732.883.760	



Võ Thị Ngọc Diễm
Người lập



Trần Thị Lý
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Huan
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 04 năm 2019



TỔNG CTY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CP VẬN TẢI HÀ TIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 106/VTHT- KTTKTC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 4 năm 2019

V/v Giải trình biến động KQSXKD
Quý 1 năm 2019 so với cùng kỳ năm trước

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh.

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính v/v hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên (mã chứng khoán HTV) xin giải trình kết quả kinh doanh Quý 1 năm 2019 so với cùng kỳ năm trước như sau:

1. Báo cáo tài chính riêng: Lợi nhuận sau thuế Quý 1 năm 2019 đạt 8,5 tỷ đồng, tăng 4,6 tỷ đồng tương ứng tăng 123% so với quý 1 năm 2018. Nguyên nhân chính là do hiệu quả sản xuất kinh doanh tăng, đồng thời Công ty tiết giảm được chi phí tài chính và một số chi phí khác.
2. Báo cáo tài chính hợp nhất: Lợi nhuận sau thuế Quý 1 năm 2019 đạt 8,6 tỷ đồng, tăng 4,6 tỷ đồng tương ứng tăng 120% so với quý 1 năm 2018. Nguyên nhân chính là do hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty mẹ tăng, đồng thời Công ty tiết giảm được chi phí tài chính và một số chi phí khác.

Trân trọng!

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đỗ Văn Huân